

Bản án số: 03/2026/DS-ST

Ngày: 08/01/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân khu vực 12, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Dương Hoài Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2025/TLST-DS ngày 14/10/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1971 (có mặt)

Cư trú tại: thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Vũ Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Thảo A, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn C T, xã P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2025 và quá trình thụ lý vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức Q trình bày:

Anh Nguyễn Đức Q là bác ruột của chị Nguyễn Thị Thảo A (chị A gọi anh Q là Bác B), vào khoảng cuối năm 2022 vợ chồng chị A, anh T có vay của anh Nguyễn Đức Q số tiền là 700.000.000đ, đến ngày 22/3/2023 chị A và anh T đã trả là 630.000.000đ còn lại 70.000.000đ hai bên ghi lại giấy “Giấy hẹn trả nợ” thoả thuận đến ngày 22/5/2023 trả 35.000.000đ, ngày 22/7/2023 trả 35.000.000đ nhưng trong thời gian qua vợ chồng chị A, anh T chỉ trả được cho anh Q số tiền là 50.000.000đ còn lại 20.000.000đ đến nay chưa trả. Nay anh Nguyễn Đức Q yêu cầu anh T, chị A trả gốc còn lại là 20.000.000đ. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Các bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thảo A, anh Vũ Văn T qua lời khai và tại phiên tòa ngày 08/12/2025 trình bày:

Chị A thừa nhận vợ chồng chị A có vay của bác Q (là ông Nguyễn Đức Q) số tiền 700.000.000đ không nhớ thời gian, có thoả thuận lãi 3%, thời hạn vay 03 tháng, có viết giấy; quá trình thực hiện hợp đồng do khó khăn nên không thực hiện việc trả tiền đúng thời hạn nhưng đã trả hết số tiền gốc đã vay và lấy lại giấy vay tiền vào khoảng tháng 9/2022, đã trả lãi đầy đủ, tuy nhiên đến ngày 22/03/2023 còn nợ lại số tiền lãi chưa trả là 70.000.000đ, có viết giấy như trong hồ sơ vụ án, vợ chồng chị A, anh T có ký xác nhận; sau đó vợ chồng chị A đã trả cho anh Q 70.000.000đ, không nhớ thời gian trả, chuyển khoản là 30.000.000đ, đưa tiền mặt là 40.000.000đ, tổng cộng là 70.000.000đ, không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc trả tiền 70.000.000đ; khoản tiền 70.000.000đ là tiền lãi, chứ không phải tiền vay cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Với yêu cầu của anh Q buộc chị A và anh T trả số tiền 20.000.000đ, chị A không đồng ý.

Chị Trần Thị T1 là vợ của anh Nguyễn Đức Q qua lời khai trình bày: toàn bộ số tiền anh Q cho vợ chồng chị A, anh T vay là tiền riêng của anh Q, không liên quan gì đến chị T1, chị T1 không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tài liệu chứng cứ giao nộp: nguyên đơn giao nộp như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra nguyên đơn, các bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc các bị đơn vợ chồng anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Thảo A liên đới trả cho anh Nguyễn Đức Q số tiền 20.000.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức Q yêu cầu vợ chồng anh Vũ Văn T, chị Nguyễn Thị Thảo A liên đới trả khoản nợ còn lại là 20.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của anh Q vào khoảng cuối năm 2022 vợ chồng chị A, anh T có vay của anh Nguyễn Đức Q số tiền là 700.000.000đ, đến ngày 22/3/2023 chị A và anh T đã trả cho anh Q số tiền là 630.000.000đ còn lại 70.000.000đ hai bên thoả thuận ngày 22/5/2023 trả 35.000.000đ, ngày 22/7/2023 trả 35.000.000đ, có viết giấy xác nhận nội dung thoả thuận; quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng chị A,

anh T chỉ trả được cho anh Q số tiền là 50.000.000đ còn lại 20.000.000đ đến nay chưa trả.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là “Giấy hẹn trả nợ” ghi ngày 22/3/2023, có chữ ký của chị Nguyễn Thị Thảo A và anh Vũ Văn T; nội dung xác định được vợ chồng chị A, anh T còn nợ số tiền là 70.000.000đ, hẹn trả ngày 22/5/2023 trả 35.000.000đ, ngày 22/7/2023 hẹn trả 35.000.000đ; về việc anh Q trình bày chỉ trả được số tiền 50.000.000đ thông qua chuyển khoản hay trả trực tiếp không nhớ, thời gian đã lâu nên không còn dữ liệu lưu trữ trong điện thoại, không tiến hành việc sao kê được tại ngân hàng; trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, đã tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng hợp lệ cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thảo A và anh Vũ Văn T, tuy nhiên vợ chồng anh T, chị A không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, đến ngày 08/12/2025 chị A mới hợp tác làm việc (phiên toà ngày 08/12/2025) cho rằng đã trả đủ số tiền 70.000.000đ cho anh Quang thông Q1 chuyển khoản 30.000.000đ, trả tiền mặt trực tiếp 40.000.000đ; Hội đồng xét xử đã tạm ngưng phiên toà, Toà án nhân dân khu vực 12-Đồng Nai ban hành thông báo yêu cầu chị Nguyễn Thị Thảo A và anh Vũ Văn T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh; tuy nhiên đến nay anh T, chị A không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình; do đó cùng với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản gốc “Giấy hẹn trả nợ” ghi ngày 22/3/2023, có chữ ký của chị Nguyễn Thị Thảo A và anh Vũ Văn T có căn cứ xác định được vợ chồng chị Nguyễn Thị Thảo A và anh Vũ Văn T còn nợ anh Nguyễn Đức Q số tiền 20.000.000đ. Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 12 về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, 96, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức Q; buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Thảo A, anh Vũ Văn T liên đới trả cho anh Nguyễn Đức Q số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Thảo A, anh Vũ Văn T liên đới nộp 1.000.000đ án phí DSST; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đức Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003323 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 466 và khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH